TOÀ ÁN NHÂN DÂN
**HUYỆN GIAO THUỶ**
**TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THUỶ, TỈNH NAM ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ông Ngọc Lễ
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Trần Hà Bắc
2. Ông Nguyễn Ngọc Giao

- ***Thư ký phiên toà****: Bà Trịnh Thị Mừng* – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị G, sinh năm 1985
Bị đơn: Anh Phạm Văn L; sinh năm 1978.
Đều có địa chỉ: Xóm 10, xã Giao T, huyện Gi, tỉnh Nam Định.
Tại phiên tòa: có mặt chị G, anh L vắng mặt lần 2 không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2019, bản tự khai ngày 27/3/2019 và tại phiên tòa chị Đặng Thị G nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Phạm Văn L tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Giao T, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 01 năm 2006. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được chín năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên uống rượu rồi hành hung đánh đập chị, vì các con nên chị đã nhẫn nhịn chịu đựng và khuyên bảo anh L nhiều lần nhưng anh L không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017. Nay chị xác

định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung chị G trình bày: Vợ chồng chị có 03 con chung là Phạm Bá D sinh ngày 18/6/2006, Phạm Thị L sinh ngày 03/01/2013 và Phạm Bá Lt sinh ngày 20/01/2014. Nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi cháu Phạm Bá Luật còn cháu Phạm Bá D và Phạm Thị L để anh L trực tiếp nuôi, chị tự nguyện góp cho anh L mỗi tháng 1.000.000đ để nuôi cháu L, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi trưởng thành lao động tự lập được.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 6 năm 2019 cháu Phạm Bá D trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tại biên bản làm việc ngày 10/6/2019 chi hội phụ nữ, xóm trưởng xóm 10 xã Giao T cũng như chính quyền xã Giao T có ý kiến: Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị G anh L về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Nếu chị G quyết tâm ly hôn nên giao hai cháu nhỏ cho chị G nuôi. Hiện nay cả ba cháu đang ở với bà nội đã già không thể đảm đương được, anh L thường xuyên làm ăn xa nhà.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G. Về con chung: Giao chị G trực tiếp nuôi cháu Phạm Bá Lt; Giao anh L trực tiếp nuôi cháu Phạm Bá D và Phạm Thị L. Về cấp dưỡng nuôi con chấp nhận sự tự nguyện của chị Gấm góp cho anh Lực mỗi tháng 1.000.000đ nuôi cháu L kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L 18 tuổi lao động tự lập được.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Đặng Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Phạm Văn L; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 10, xã Giao T, huyện Gi, tỉnh Nam Định. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy. Anh Phạm Văn L (là bị đơn) đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị G và anh Phạm Văn L tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Giao T, huyện Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 01 năm 2006 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ

chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến việc chị G khởi kiện xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh L đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết thể hiện anh L không thiết tha đoàn tụ gia đình.

Xét mâu thuẫn giữa chị G và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị Gấm là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Bá D sinh ngày 18/6/2006, Phạm Thị L sinh ngày 03/01/2013 và Phạm Bá L sinh ngày 20/01/2014. Nguyện vọng của chị Gnhận nuôi cháu L, để anh L nuôi cháu D và cháu L, chị tự nguyện góp cho anh L mỗi tháng 1.000.000đ nuôi cháu L từ khi vợ chồng ly hôn đến khi cháu 18 tuổi.

Xét điều kiện thực tế của chị L và anh L: Thấy cả anh L và chị G đều lao động tự do thu nhập không ổn định, kinh tế còn khó khăn. Chị Gấm chưa có chỗ ở riêng phải ở nhờ nhà mẹ đẻ tại xã Hoành Sơn, anh L ở chung với bố mẹ đẻ. Vì vậy nay giao hai cháu Phạm Bá D và Phạm Thị L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Bá Lt cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị G về việc góp cấp dưỡng nuôi con như trên là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Gấm và anh Lực có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử ly hôn giữa: Chị Đặng Thị G và anh Phạm Văn L

2.Về con chung: Giao chị G trực tiếp nuôi con chung là Phạm Bá Lt sinh ngày 20/01/2014; Giao anh L trực tiếp nuôi con chung là Phạm Bá D sinh ngày 18/6/2006 và Phạm Thị L sinh ngày 03/01/2013.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị G nhận góp cho anh L mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) nuôi cháu L kể từ khi ly hôn đến khi cháu L đủ 18 tuổi thành niên lao động tự lập được.

Anh L, chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị G đã nộp tại biên lai thu số 0000345 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, nay chị Gấm còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Cơ quan đã cấp ĐKKH;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Ông Ngọc Lễ**